TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2024/HC-PT
Ngày 10/4/2024
V/v "Khiếu kiện hành vi không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà.

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng;

Bà Trần Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 806/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện hành vi không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 224/2023/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3458/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường P, thị xã S, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn P, xã V, thị xã S, thành phố Hà Nội; Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường P, thị xã S, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S, thành phố Hà Nội; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thanh B, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số G, phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tòa nhà C, khu đô thị N, đường V, phường P, quận T, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Và bà Phạm Thị D, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số G L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Có mặt.

3. Ông Phan Hữu Đ, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu dân cư Y, phường P, thị xã S, thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Nguồn gốc diện tích 119m^2 đất bà Nguyễn Thị T đang quản lý sử dụng là của vợ chồng ông Hà Văn L1 và bà Nguyễn Thị T. Năm 2003, ông Hà Văn L1 và bà Nguyễn Thị T ly hôn. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 01/QĐHGT ngày 08.10.2003 của Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thuận tình ly hôn; giao nuôi con và phân chia tài sản, theo đó bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 119m^2 đất này.

Năm 2005 thực hiện chủ trương chính sách của Nhà nước bà Nguyễn Thị T đo đạc và kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số: 02 diện tích 119m^2.

Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/4/2006 đã được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận và lập hồ sơ kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ngày 27/4/2006 Ủy ban nhân dân phường P tiến hành công khai hồ sơ đăng ký đất của 21 hộ theo danh sách công khai của UBND phường. Ngày 4/8/2006 Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S ghi ý kiến vào Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 31/8/2006 Ủy ban nhân dân thị xã S ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T tại thửa số: 112 tờ bản đồ số: 02, diện tích 119m^2 đất ở tại đô thị địa chỉ thửa đất: Khu dân cư Y - phường P - S - Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri: AG481118 vào số vào sổ cấp GCNQSDĐ H00272.

Ngày 6/9/2006 cán bộ địa chính phường P là ông Nguyễn Vũ Hoàng L2 đã ký nhận giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri: AG481118 vào số vào sổ cấp GCNQSDĐ H00272. UBND thị xã S cấp ngày 31/8/2006 chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số: 112, tờ bản đồ số: 02, diện tích 119m^2, địa chỉ: Khu dân cư Y. Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà

Nguyễn Thị T từ Phòng Tài nguyên và Môi trường ông Nguyễn Vũ Hoàng L2 cán bộ địa chính phường P đã giao giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Phan Hữu Đ- Tổ trưởng tổ dân phố Y để ông Đ trả cho bà Nguyễn Thị T theo thống nhất của Ủy ban nhân dân phường P tại Hội nghị giao ban mở rộng ngày 3/9/2003 "Kết luận Hội nghị thống nhất giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân phường giao cho T1 khu dân cư để trả cho dân".

Ngày 12/9/2006 ông Phan Hữu Đ đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri: AG481118 vào số vào số cấp GCNQSDĐ H00272. UBND thị xã S cấp ngày 31/8/2006 chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số: 112, tờ bản đồ 02 diện tích 119m^2, địa chỉ: Khu dân cư Y - phường P - thị xã S - Hà Nội. Tuy nhiên ông Đ không trả giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T mà mang đi thế chấp cho bà Hoàng Thanh B, địa chỉ: Số H phường N - phố N - thị xã S - thành phố Hà Nội, nay đã chuyển về số G phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội để vay tiền sử dụng mục đích cá nhân.

Do giữa ông Phan Hữu Đ và bà Hoàng Thanh B có tranh chấp về khoản nợ nên bà Hoàng Thanh B không đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Hữu Đ để ông Phan Hữu Đ trả lại cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã S. Ủy ban nhân dân phường D1 không thực hiện được hành vi giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T đã làm đơn khiếu nại đến nhiều cơ quan để yêu cầu Ủy ban nhân dân phường P thực hiện hành vi giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà, Ủy ban nhân dân thị xã S cũng đã có kết luận giao Ủy ban nhân dân phường P phải thực hiện hành vi hành chính nhưng chưa giải quyết được nên bà khởi kiện ra Tòa án.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã S xác nhận: Bà Nguyễn Thị T đã được Ủy ban nhân dân thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG481118 ngày 31/8/2006 số thửa đất 112 tờ bản đồ 02 đúng quy định của pháp luật. Sau khi cấp, đã bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân phường P để giao cho người được cấp theo quy định của Luật Đất đai 2003 và văn bản hướng dẫn thi hành.

Ủy ban nhân dân phường P, thị xã S đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án nhưng xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S có văn bản trình bày ý kiến xác nhận nguồn gốc đất và trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Thanh B xác nhận việc giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị T từ ông Phan Hữu Đ trên cơ sở ông Đ xuất trình Giấy ủy

quyền đứng tên Nguyễn Thị T. Do ông Phan Hữu Đ chưa trả được nợ và giữa các bên có tranh chấp nên bà có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án hành chính, xác lập vụ án dân sự giữa ông Phan Hữu Đ - bà Nguyễn Thị T và bà Hoàng Thanh B - ông Phan Hữu Đ.

Ông Phan Hữu Đ xác nhận nội dung vụ việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 224/2023/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1, Điều 143, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính

Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 2003.

Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về khiếu kiện hành vi không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân phường P, thị xã S, thành phố Hà Nội.

2. Xác định hành vi không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân phường P, thị xã S cho bà Nguyễn Thị T là hành vi trái pháp luật; Buộc Ủy ban nhân dân phường P, thị xã S phải thực hiện hành vi giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân phường P, thị xã S không thu hồi được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện hành vi giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T; Ủy ban nhân dân phường P, thị xã S, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S và Ủy ban nhân dân thị xã S phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T theo trình tự không thể thu hồi được.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/9/2023, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thanh B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm ngày 08/9/2023.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị T xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thanh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thanh B trình bày: Nội dung phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã vi phạm thủ tục tố tụng khi không thụ lý Đơn yêu cầu độc lập ngày 03/8/2003; đã không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà B. Do đó, đề nghị Tòa án hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 224/2003/HC-ST ngày 30/8/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; thụ lý yêu cầu độc lập của bà B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người khởi kiện và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 55, 56, 57, 58, việc ủy quyền tham gia tố tụng của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 3, Điều 30; khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 241, Điều 229, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính. Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T. Bác kháng cáo của của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thanh B; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, quan điểm của Kiểm sát viên, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; bà Hoàng Thanh B nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người bị kiện; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 2 Điều 157; Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Hoàng Thanh B, thấy:

Trong các năm từ 2006 đến năm 2008, ông Phan Hữu Đ đã thế chấp một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị T và bản gốc Giấy ủy quyền ngày 27/10/2008 mang tên bà Nguyễn Thị T để vay khoản tiền 811.000.000đ. Sau đó bà Hoàng Thanh B đã có đơn tố cáo ông Phan Hữu Đ tại Công an thị xã S năm 2016, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký trong Giấy ủy quyền đứng tên Nguyễn Thị T. Tại Kết luận giám định số 4739/KLGĐ-PC09-DD3 ngày 13/6/2021 của Phòng K Công an thành phố H đã kết luận: chữ viết và chữ ký trong Giấy ủy quyền so với chữ viết và chữ ký của ông Phan Hữu Đ là do cùng một người viết ra. Kết luận giám định phù hợp với lời khai của ông Phan Hữu Đ, thừa nhận đã tự viết giấy ủy quyền tên bà T để thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T cho bà Hoàng Thanh B. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp việc vay tiền và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Phan Hữu Đ, bà Hoàng Thanh B là tranh chấp dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính 2015, nên Tòa án không xem xét là có căn cứ. Mặt khác, yêu cầu khởi kiện đơn nộp sau khi Tòa án đã tiến hành xong thủ tục tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại. Bà B có quyền khởi kiện vụ án dân sự khi có yêu cầu. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà B không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà Hoàng Thanh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Điều 3, Điều 30; khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 241, Điều 229, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thanh B; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 224/2023/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hoàng Thanh B phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số AA/2023/0002627 ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Cục THADS thành phố H. Bà B đã nộp xong.

[3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà